

Số: **5539**/UBND-TH

Quảng Trị, ngày **02** tháng 12 năm 2020

V/v Cập nhật, bổ sung thông tin,
số liệu về tình hình KT-XH, QP-AN
năm 2020 và Kế hoạch năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 19 - HĐND tỉnh khóa VII, ngày 25 tháng 11 năm 2020, UBND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 258/BC-UBND về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2021.

Tuy nhiên, ngày 30/11/2020 Tổng cục Thống kê đã công bố số liệu lần thứ 3; Đồng thời, UBND tỉnh đã trực tiếp làm việc với một số Sở, Ngành có liên quan để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu, dự báo khả năng thực hiện cả năm phù hợp với diễn biến của tình hình thực tiễn. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh xin cập nhật, bổ sung, điều chỉnh lại một số thông tin số liệu đã nêu trong Báo cáo số 258/BC-UBND ngày 25/11/2020 như sau:

1. Về tăng trưởng kinh tế:

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 (GSS2010) ước tính đạt 19.970,9 tỷ đồng, tăng 3,51% so với năm 2019; trong đó:

- Giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tính đạt 4.264,5 tỷ đồng, tăng 1,72%, đóng góp 0,37 điểm % vào tăng trưởng chung;
- Giá trị tăng của thêm khu vực công nghiệp - xây dựng ước tính đạt 5.060,5 tỷ đồng, tăng 7,7%, đóng góp 1,88 điểm % vào tăng trưởng chung;
- Giá trị tăng thêm của khu vực dịch vụ ước tính đạt 9.724,2 tỷ đồng, tăng 2,07%, đóng góp 1,02 điểm % vào tăng trưởng chung;
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước tính đạt 921,7 tỷ đồng, tăng 5,24%, đóng góp 0,24 điểm % vào tăng trưởng chung.

2. Về cơ cấu kinh tế:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 21,85%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 25,67%; khu vực dịch vụ chiếm 47,89%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,59% (Cơ cấu tương ứng của năm 2019 là: 21,11%; 24,69%; 49,64%; 4,56%).

3. Về GRDP bình quân đầu người:

GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) năm 2020 ước tính đạt 53,51 triệu đồng, tăng 7,02% so với năm 2019.

4. Sản lượng thủy hải sản:

Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 ước đạt 35.122 tấn, đạt 95% so với KH (trong Báo cáo số 258/BC-UBND là 37.129 tấn, vượt kế hoạch đề ra).

5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tính đến ngày 30/11/2020 là 3.115,637 tỷ đồng, đạt 93% dự toán địa phương và đạt 113% dự toán Trung ương giao, tăng 10% so với năm 2019. Dự kiến cả năm đạt 3.405 tỷ đồng, đạt trên 100% kế hoạch đề ra; trong đó thu nội địa đạt 2.985 tỷ đồng, vượt 3,6% kế hoạch đề ra.

6. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế:

Thống nhất số liệu về tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2020 tại phần lời và phần Biểu kèm theo là đạt 95%. Dự kiến kế hoạch năm 2021 là: 96%.

Như vậy, đến thời điểm này, dự kiến kết quả thực hiện 25 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu đề ra năm 2020: có 06 chỉ tiêu vượt kế hoạch; 10 chỉ tiêu đạt kế hoạch và 09 chỉ tiêu đạt thấp so với kế hoạch đề ra (Chi tiết như Phụ lục đính kèm).

UBND tỉnh xin báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- VPCP, VPQH, VP Chủ tịch nước;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- T.vụ TU, TT/HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, các UV UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Các Sở, Ban ngành, Đoàn thể;
- VP HĐND tỉnh;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu VT, TH(H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

PHỤ LỤC 1
Tình hình thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh TH/KH năm 2020
				Kế hoạch	Ước thực hiện	
I	CÁC CHỈ TIÊU VƯỢT					
1	Sản lượng lương thực có hạt	Vạn tấn	28,6	26	28,9	Vượt
2	Diện tích trồng mới và tái canh cây công nghiệp dài ngày	Ha	550	230	257,3	Vượt
3	Trồng mới rừng tập trung	Ha	9.320	6.000	8.200	Vượt
4	Số doanh nghiệp thành lập mới	Doanh nghiệp	380	400	460	Vượt
5	Tổng chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	8.317	9.504	10.602	Vượt
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; trong đó:	Tỷ đồng	3.249	3.400	3.405	Vượt
-	Thu nội địa	"	2.757	2.950	2.985	
-	Thu xuất nhập khẩu	"	490,1	450	362	
II	CÁC CHỈ TIÊU ĐẠT					
1	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	%	51,3	54,7-56,4	55-56,4	Đạt
2	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	97	96	97	Đạt
3	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc tiểu học	%	99,8	99,9	99,9	Đạt
4	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đối với bậc THCS	%	96	95	95,5	Đạt
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	60	65-70	65,88	Đạt
6	Mức giảm tỷ suất sinh	‰	0,31	>0,3	>0,3	Đạt
7	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,6	1,5-2	1,5	Đạt
8	Tỷ lệ độ che phủ rừng	%	50	50	50,1	Đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Năm 2020		So sánh TH/KH năm 2020
				Kế hoạch	Ước thực hiện	
9	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch	%	94,5	95	95	Đạt
10	Tỷ lệ chất thải rắn ở thành thị được thu gom	%	99	99	95-100	Đạt
III	CÁC CHỈ TIÊU KHÔNG ĐẠT					
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế; Trong đó:	%	7,91	>8,5	3,51	Không đạt
-	Công nghiệp - xây dựng	%	13,89	>14	7,7	Không đạt
-	Dịch vụ	%	6,35	>7	2,07	Không đạt
-	Nông - lâm - ngư nghiệp	%	5,10	>4,5	1,72	Không đạt
2	GRDP bình quân đầu người (Giá HH)	Triệu đồng	50	55-58	53,51	Không đạt
3	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	16.870	26.000-28.000	19.068,2	Không đạt
4	Sản lượng thủy hải sản	Tấn	32.250	37.000	35.122	Không đạt
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	30.406	33.500	30.959	Không đạt
6	Tạo việc làm mới	Lao động	13.500	11.000	10.000	Không đạt
7	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	94	>96	95	Không đạt
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo thể cân nặng/tuổi	%	13,3	<12	13,7	Không đạt
9	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	94,5	95	89,12	Không đạt